TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **49**/2025/HNGĐ-ST
Ngày 28/11/2025
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Phan Thị Yến Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Sỹ Tiến

2. Ông Vũ Văn Chương

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Việt C – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 11 - Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 99/2025/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2025 về "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2025/QĐST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1968, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

Căn cước công dân số 077068005188 cấp ngày 10/7/2021.

+ *Bị đơn:* Bà Mã Thị Kim P, sinh năm 1970, vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Số H L, phường V, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T trình bày:

Ông Nguyễn Thanh T và bà Mã Thị Kim P tự nguyện chung sống từ năm 1990, có tổ chức lễ cưới và sau đó đăng ký kết hôn tại UBND phường D thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường V, thành phố Hồ Chí Minh) theo giấy chứng nhận kết hôn số 133, quyển số 01 ngày 11/11/2003.

Cuộc sống chung giữa vợ chồng ban đầu hạnh phúc nhưng sau đó giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không tôn trọng, không quan tâm, không có sự yêu thương, chăm sóc lẫn nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt. Ông T và bà P đã sống ly thân 05 năm nay. Mặc dù vợ chồng vẫn sống chung nhà nhưng không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau, không còn nói chuyện hay trao đổi gì với nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, ông T yêu cầu được ly hôn với bà P.

Về con chung: Có 02 con là Nguyễn Thị Ái V, sinh năm 1993 và Nguyễn Hữu T1, sinh năm 1999. Các con chung đã trưởng thành, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Mã Thị Kim P: Tòa án tống đạt hợp lệ đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng bà P vẫn vắng mặt nên Tòa án không thu thập được ý kiến trình bày của bà P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã được Tòa án triệu tập, tống đạt hợp lệ nhưng nguyên đơn có đơn đề nghị vắng mặt, bị đơn vắng mặt 02 lần không có lý do nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đang cư trú tại phường V, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án triệu tập hợp lệ các đương sự tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ 02 lần để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt, không có lý do chính đáng. Do vậy, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thanh T và bà Mã Thị Kim P tự nguyện chung sống từ năm 1990, có tổ chức lễ cưới và sau đó đăng ký kết hôn tại UBND phường D, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường V, thành phố Hồ Chí Minh) theo giấy chứng nhận kết hôn số 133, quyển số 01 ngày 11/11/2003.

Cuộc sống chung hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không tôn trọng, không quan tâm, không có sự yêu thương, chăm sóc lẫn nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt. Ông T và bà P đã sống ly thân 05 năm nay. Mặc dù vợ chồng vẫn sống chung nhà nhưng không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau, không còn nói chuyện hay trao đổi gì với nhau.

Kết quả xác minh tại địa phương xác định vợ chồng ông T, bà P không xảy ra tranh cãi, xô xát, không có yêu cầu hòa giải mâu thuẫn tại tổ chức hòa giải cơ sở. Tuy nhiên theo thông tin phản ánh tại địa phương được biết vợ chồng ông T, bà P ít quan tâm, chăm sóc nhau. Tòa án tống đạt hợp lệ đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng bà P vẫn vắng mặt, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của ông T, có ý thức bỏ mặc, không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng ông T, bà P đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung không thể kéo dài, không có sự thương yêu, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau để cùng xây dựng gia đình hạnh phúc. Vì vậy yêu cầu của ông T xin ly hôn là có cơ sở phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Có 02 con là Nguyễn Thị Ái V, sinh năm 1993 và Nguyễn Hữu T1, sinh năm 1999. Các con chung đã trưởng thành, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Do ông T là nguyên đơn trong vụ án nên phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà P không phải chịu án phí.

[4]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh T đối với bà Mã Thị Kim P về việc "Ly hôn".

1. Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Thanh T được ly hôn với bà Mã Thị Kim P.

2. Về con chung: Có 02 (hai) con là Nguyễn Thị Ái V, sinh năm 1993 và Nguyễn Hữu T1, sinh năm 1999. Các con chung đã trưởng thành, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Thanh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Thanh T phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0021338 ngày 30 tháng 09 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố H. Như vậy, ông Nguyễn Thanh T đã nộp xong án phí. Bà Mã Thị Kim P không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

6. Về quyền yêu cầu thi hành: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 11 - TP. HCM;
- Thi hành án Dân sự TP. HCM;
- UBND phường Vũng Tàu, TP.HCM;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Yến Oanh